UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TÂY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai số liệu thu chi quý III ngân sách năm 2023

I. Thời gian: ngày 10 tháng 10 năm 2023

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Sơn Tây

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Uỷ ban nhân dân, thôn trưởng 13 thôn.

IV. Nội dung:

1. Ông Cao Văn Đức - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2.Thông báo các nội dung công khai

Công khai số liệu thu chi ngân sách quý III năm 2023

3.Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 13 thôn
- Niêm yết tại Trụ sở uỷ ban nhân dân xã Sơn Tây, nhà văn hoá 13 thôn, đăng tải trên cổng thông tin điện tử xã

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Trụ sở uỷ ban nhân dân xã Sơn Tây, nhà văn hoá 13 thôn
- Thời gian niêm yết: từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/11/2023

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, thôn trưởng 13 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 13 thôn lúc 10h30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký	Chủ tịch
Trịnh Thị Tuyết	Cao Văn Đức

Scanned with CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN TÂY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 103/QĐ-UBND	*Sơn Tây, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thu chi ngân sách quý III năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016 NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số: 27/NQ -HĐND ngày 04/01/2023 của HĐND xã Sơn Tây về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu chi ngân sách quý III năm 2023 như sau:

Tổng thu ngân sách: 2.634.518.397 đồng

Trong đó: - Thu ngân sách trên địa bàn: 930.368.397 đồng

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 1.704.150.000 đồng

Tổng chi ngân sách: 3.071.096.200 đồng

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển: 1.100.429.000 đồng

- Chi thường xuyên: 1.970.667.200 đồng

(Có các biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Bộ phận Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- UBND huyện;
- Phòng TC huyện;
- Đảng uỷ, HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Thôn trưởng 13 thôn;
- Lưu VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Văn Đức

Scanned with CamScanner

Xã: Sơn Tây

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	**9.542.030.000**	**6.464.030.000**	**4.686.897.339**	**2.634.518.397**	**49,12**	**40,76**
I. Các khoản thu 100%	**231.800.000**	**231.800.000**	**123.679.470**	**123.679.470**	**53,36**	**53,36**
1. Phí, lệ phí	117.000.000	117.000.000	123.679.470	123.679.470	105,71	105,71
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	85.000.000	85.000.000				
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	29.800.000	29.800.000				
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	**4.801.000.000**	**1.723.000.000**	**2.859.067.869**	**806.688.927**	**59,55**	**46,82**
1. Các khoản thu phân chia	116.000.000	96.000.000	27.886.290	23.228.523	24,04	24,20
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000	16.000.000	3.447.450	3.447.450	21,55	21,55
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			1.150.000	1.150.000		
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000.000	80.000.000	23.288.840	18.631.073	23,29	23,29
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.685.000.000	1.627.000.000	2.831.181.579	783.460.404	60,43	48,15
2.1. Thu tiền sử dụng đất	1.000.000.000	450.000.000	851.227.500	383.052.375	85,12	85,12
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	410.000.000	123.000.000	29.924.972	8.977.493	7,30	7,30
2.3. Thuế tài nguyên	428.000.000	111.500.000	309.152.911	61.830.583	72,23	55,45
2.4. Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp	1.717.000.000	343.500.000	1.937.629.107	418.625.827	112,85	121,87
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	650.000.000	455.000.000				
2.7. Cấp khai thác khoáng sản	480.000.000	144.000.000	(296.752.911)	(89.025.874)	(61,82)	(61,82)
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**4.509.230.000**	**4.509.230.000**	**1.704.150.000**	**1.704.150.000**	**37,79**	**37,79**
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.509.230.000	4.509.230.000	700.000.000	700.000.000	15,52	15,52
2. Bổ sung có mục tiêu			1.004.150.000	1.004.150.000		

Scanned with CamScanner

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Hương Sơn
Xã: Sơn Tây

Mẫu biểu

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ
QUÝ III NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồ

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	**6.464.030.000**	**450.000.000**	**6.014.030.000**	**3.071.096.200**	**1.100.429.000**	**1.970.667.200**	**47,51**	**244,54**	**32,7**
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	626.672.000		626.672.000	639.903.400	500.000.000	139.903.400	102,11		22,3
1.1. Chi dân quân tự vệ	480.452.000		480.452.000	104.803.400		104.803.400	21,81		21,8
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	146.220.000		146.220.000	535.100.000	500.000.000	35.100.000	365,96		24,00
2. Chi giáo dục				180.429.000	180.429.000				
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	324.732.000	250.000.000	74.732.000	21.060.000		21.060.000	6,49		28,18
5. Chi văn hóa, thông tin	65.000.000		65.000.000	42.000.000		42.000.000	64,62		64,62
6. Chi phát thanh, truyền thanh	30.000.000		30.000.000						
7. Chi thể dục, thể thao	85.000.000		85.000.000						
8. Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	98.000.000		98.000.000	196,00		196,00
9. Chi các hoạt động kinh tế	325.117.268		325.117.268	564.150.000	330.000.000	234.150.000	173,52		72,02
9.1. Giao thông				330.000.000	330.000.000				
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	325.117.268		325.117.268	234.150.000		234.150.000	72,02		72,02
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.336.311.732	200.000.000	4.136.311.732	1.453.849.800	90.000.000	1.363.849.800	33,53	45,00	32,97
Trong đó: Quỹ lương				998.849.000		998.849.000			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.817.886.732	200.000.000	2.617.886.732	1.026.730.800	90.000.000	936.730.800	36,44	45,00	35,78
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	784.156.000		784.156.000	250.321.000		250.321.000	31,92		31,92

Scanned with CamScanner

Tỉnh: Hà Tĩnh
Huyện: Hương Sơn
Xã: Sơn Tây

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	147.326.000		147.326.000	36.726.000		36.726.000	24,93		24,
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	116.631.000		116.631.000	36.317.000		36.317.000	31,14		31,
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	113.498.000		113.498.000	35.102.000		35.102.000	30,93		30,
10.6. Hội Cựu chiến binh	126.396.000		126.396.000	28.195.000		28.195.000	22,31		22,
10.7. Hội Nông dân	159.650.000		159.650.000	33.608.000		33.608.000	21,05		21,
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	70.768.000		70.768.000	6.850.000		6.850.000	9,68		9,
11. Chi cho công tác xã hội	303.059.000		303.059.000	71.704.000		71.704.000	23,66		23,6
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	158.079.000		158.079.000	48.204.000		48.204.000	30,49		30,4
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội	56.100.000		56.100.000						
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	38.880.000		38.880.000	23.500.000		23.500.000	60,44		60,4
11.5. Khác	50.000.000		50.000.000						
12. Chi khác	156.815.000		156.815.000						
13. Dự phòng	161.323.000		161.323.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày .... tháng .... năm .....

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Nguyễn Thái Huy

TM. UBND xã
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Cao Văn Đức

Scanned with CamScanner